BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3853 /QĐ-BVHTTDL	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án "Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ngành văn hóa, thể thao và du lịch giai đoạn 2022 – 2026"

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 1521/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20 tháng 6 năm 2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 999/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc xây dựng Đề án "Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ngành văn hóa, thể thao và du lịch giai đoạn 2022 - 2026";

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án "Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ngành văn hóa, thể thao và du lịch giai đoạn 2022 - 2026" (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

1.1. Đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) phải dựa trên quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; phải đặt trong tổng thể phương hướng và nhiệm vụ phát triển ngành văn hóa, thể thao và du lịch (VHTTDL).

1.2. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL từ sớm, từ xa, gắn với hoàn thiện, tổ chức thi hành pháp luật; bảo đảm gắn kết giữa công tác PBGDPL với xây dựng pháp luật.

1.3. Đổi mới công tác PBGDPL phải có trọng tâm, trọng điểm, tạo sự chuyển biến mang tính đột phá, giải quyết hiệu quả những hạn chế, bất cập; chú trọng đặc thù của từng nhóm đối tượng, địa bàn; gắn với đánh giá hiệu quả, lấy hiệu quả là thước đo, mô hình để nhân rộng.

1.4. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL phải đảm bảo tính kế thừa, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các ngành, lĩnh vực khác, xu thế truyền thông gắn với sức mạnh mềm của văn hóa.

1.5. Đổi mới công tác PBGDPL đảm bảo tính liên thông, kết nối đồng bộ giữa ngành VHTTDL với các ngành khác, giữa trung ương với địa phương; hướng mạnh về cơ sở, lấy người dân làm trung tâm.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tạo bước phát triển mới, mang tính đột phá trong công tác PBGDPL của ngành VHTTDL, bảo đảm đáp ứng tốt nhất nhu cầu được PBGDPL của người dân, phù hợp với xu thế và yêu cầu của thực tiễn; góp phần tạo sự chuyển biến trong việc nâng cao ý thức pháp luật của người dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2026

- 100% cơ quan, đơn vị thuộc Bộ xây dựng kế hoạch PBGDPL và thông tin đầy đủ, kịp thời các chính sách, pháp luật của ngành VHTTDL và liên quan.

- 100% văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của ngành VHTTDL được xây dựng kế hoạch truyền thông đồng thời với kế hoạch xây dựng văn bản.

- 95% chính sách có tác động lớn đến xã hội, vấn đề được dư luận xã hội quan tâm của ngành VHTTDL được chủ động truyền thông chính sách định hướng dư luận xã hội trong quá trình xây dựng văn bản QPPL.

- 100% các lĩnh vực của ngành VHTTDL có báo cáo viên cấp trung ương và 80% có báo cáo viên cấp tỉnh.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của ngành VHTTDL được PBGDPL nắm và hiểu được các quy định pháp luật của Ngành.

- 90% các nhóm đối tượng đặc thù: người dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ngư dân được PBGDPL ngành VHTTDL.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG,THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện

Đề án được thực hiện trên phạm vi toàn quốc.

2. Đối tượng thực hiện

- Các tổ chức, cá nhân chịu sự tác động của hệ thống văn bản QPPL ngành VHTTDL; các cơ quan, đoàn thể, đơn vị liên quan;

- Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngành văn hóa, thể thao và du lịch.

3. Thời gian thực hiện

- Thời gian thực hiện Đề án từ năm 2022 – 2026;

- Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án vào quý IV năm 2026.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nhiệm vụ chủ yếu

1.1. Đổi mới công tác PBGDPL ngành VHTTDL trên các phương diện nội dung, hình thức, cách thức, đẩy mạnh chuyển đổi số, phát huy đặc thù, lợi thế của Ngành

- Tiếp tục quán triệt, triển khai Luật PBGDPL năm 2012, các văn bản hướng dẫn thi hành; Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, Quyết định số 1521/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 80-KL/TW và các Chương trình, đề án PBGDPL của Thủ tướng Chính phủ.

- Đổi mới nội dung, hình thức PBGDPL phù hợp với từng đối tượng và lĩnh vực, chú trọng nhân rộng và phát huy mô hình, biện pháp PBGDPL và theo dõi thi hành pháp luật. Phát huy thế mạnh của ngành VHTTDL, truyền thống văn hóa, phong tục tập quán các dân tộc trong PBGDPL; tăng cường chuyển đổi số công tác PBGDPL đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Ngành.

- Nâng cao chất lượng nội dung PBGDPL, bảo đảm cập nhật toàn bộ nội dung pháp luật mới trong lĩnh vực chuyên ngành và hệ thống pháp luật.

- Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, PBGDPL lựa chọn các hình thức tuyên truyền bảo đảm phù hợp với từng đối tượng, địa bàn. Tăng cường PBGDPL đối với các đối tượng văn nghệ sỹ, diễn viên, vận động viên, huấn luyện viên...

1.2. Nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL ngành VHTTDL, gắn với kết quả thi hành pháp luật, được định lượng, thống kê phù hợp, hướng về cơ sở, lấy người dân làm trung tâm

- Triển khai thực hiện Đề án "Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL" theo Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 12/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai có hiệu quả Đề án "Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân" theo Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác PBGDPL theo các đề án, kế hoạch, chương trình đã ban hành; phát hiện, kịp thời đề xuất khen thưởng, khen thưởng theo thẩm quyền các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác PBGDPL tại cơ quan, đơn vị mình.

1.3. Xác định lộ trình, ưu tiên đảm bảo sự phối hợp, thực hiện đồng bộ nhiệm vụ, giải pháp đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL ngành VHTTDL

Để đảm bảo việc triển khai Đề án thiết thực, hiệu quả, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với thực tiễn nhiệm vụ PBGDPL, lộ trình thực hiện các công việc Đề án được chia thành 02 giai đoạn:

- Giai đoạn 2022-2023: quán triệt triển khai, tăng cường chỉ đạo điều hành, thí điểm các mô hình, giải pháp, cách làm PBGDPL hiệu quả, dữ liệu hóa tài liệu PBGDPL, tập trung truyền thông chính sách, đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL, từng bước chuyển đổi số, tiếp tục củng cố quan hệ, kênh thông tin, phối hợp đa ngành, địa phương với ngành VHTTDL trong PBGDPL.

- Giai đoạn 2024-2026: tiếp tục triển khai, nhân rộng mô hình, giải pháp, cách làm PBGDPL hiệu quả, hoàn thiện dữ liệu hóa tài liệu PBGDPL của ngành VHTTDL kết nối dùng chung toàn quốc, đổi mới nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách, pháp luật của Ngành, định hình việc đánh giá hiệu quả PBGDPL của Ngành, tiếp tục duy trì cơ chế phối hợp, thông tin PBGDPL với các bộ, ngành, địa phương; đồng bộ với công tác xây dựng và thực thi pháp luật của Ngành.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Đổi mới tư duy, cách tiếp cận PBGDPL, góp phần hoàn thiện thể chế, chính sách

- Làm rõ nhiệm vụ công tác PBGDPL ngành VHTTDL (trực tiếp: thông tin pháp luật, truyền thông chính sách; gián tiếp: giáo dục pháp luật, các hoạt động PBGDPL chuyên biệt, hoạt động tự học tập, tìm hiểu pháp luật của các chủ thể pháp luật).

- Tập trung giáo dục ý thức pháp luật, có sự kết hợp giữa yêu cầu từ nhà nước và xã hội theo nội dung của văn bản quy định về ngành VHTTDL với nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người dân gắn với tình huống, vụ việc cụ thể, nhất là các hoạt động VHTTDL.

- Xác định công tác PBGDPL của ngành VHTTDL trong tương quan chung PBGDPL. PBGDPL không chỉ là bộ phận của giáo dục tư tưởng, chính trị, tuyên giáo nói chung mà còn đóng góp vào việc xây dựng nhân cách, đạo đức, lối sống của con người Việt Nam thượng tôn pháp luật góp phần xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

- Rà soát đề xuất hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật PBGDPL phù hợp với đặc thù của ngành VHTTDL. Rà soát các quy định pháp luật liên quan đến công tác PBGDPL để ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp theo tinh thần Kết luận số 80-KL/TW. Ban hành các kế hoạch của Bộ để triển khai PBGDPL theo năm, chuyên đề, đối tượng phù hợp.

2.2. Xác định rõ phạm vi, trách nhiệm PBGDPL của Nhà nước, tăng cường quản lý nhà nước gắn với đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL:

- Phân định rõ, đồng thời liên thông phạm vi trách nhiệm của Ngành VHTTDL trong PBGDPL. Theo đó, ngành VHTTDL cần tập trung vào: cung cấp thông tin pháp luật của ngành; thực hiện truyền thông chính sách trong tất cả các khâu của chu trình chính sách công; giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của Ngành VHTTDL, thông qua chương trình, giáo trình, tài liệu chuẩn hóa;

PBGDPL thông qua đội ngũ cán bộ, công chức của ngành VHTTDL trong quá trình thực thi công vụ và đội ngũ báo cáo viên ở Trung ương, địa phương.

- PBGDPL có trọng tâm, trọng điểm, theo chủ đề, sự kiện, điểm nhấn là ngày Pháp luật Việt Nam hàng năm, các ngày lễ lớn của quốc gia có hoạt động của Ngành và các sự kiện VHTTDL của Ngành.

- Tăng cường thông tin, báo cáo, phối hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu PBGDPL; đẩy mạnh công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát; nhân mô hình điểm, cách làm hay, hiệu quả trong PBGDPL của Ngành.

- Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác PBGDPL theo các đề án, kế hoạch, chương trình đã ban hành.

2.3. Đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức PBGDPL phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn

- Phân loại đối tượng, địa bàn phù hợp với đặc tính PBGDPL của Ngành. Nghiên cứu phân loại đối tượng, địa bàn để áp dụng nội dung, phương thức PBGDPL phù hợp theo đối tượng.

- Đánh giá nhu cầu tìm hiểu PBGDPL của Ngành từ các tổ chức, cá nhân liên quan, trọng tâm là nhóm đối tượng đặc thù: dân tộc thiểu số, các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, địa bàn trọng yếu về quốc phòng, an ninh.

- Truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản QPPL của ngành VHTTDL.

- PBGDPL từ sớm, từ xa, gắn với văn hóa gia đình, hương ước, quy ước của thôn, làng, bản, ấp và trong các cơ sở đào tạo góp phần xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật.

- PBGDPL phù hợp với từng lĩnh vực của ngành VHTTDL. Phân tích, đánh giá điểm chung, tính đặc thù của từng lĩnh vực chuyên ngành gắn với các quy định pháp luật chuyên ngành và liên quan về văn hóa là cơ sở, dữ liệu để thiết kế nội dung, đối tượng, phương thức PBGDPL phù hợp.

- Biên soạn nội dung PBGDPL phù hợp đối tượng, địa bàn, thời điểm... phương pháp, cách thức PBGDPL (theo chuyên đề, dạng hỏi đáp, tình huống...).

- Xây dựng nội dung số trong PBGDPL của ngành VHTTDL. Lựa chọn, biên tập các tài liệu, nội dung PBGDPL của Ngành theo hướng vừa phù hợp đối tượng, vừa chuyển đổi thành nội dung số để thực hiện PBGDPL qua các ứng dụng (Zalo, Fanpage...) và đáp ứng yêu cầu dữ liệu hóa tài liệu PBGDPL.

- Thúc đẩy sáng tạo văn học nghệ thuật góp phần PBGDPL. Phát huy lợi thế của ngành VHTTDL, vận động các tác giả thi sáng tác, viết kịch bản sân khấu, điện ảnh, sáng tác ca khúc, tác phẩm văn học… về chủ đề phản ánh quá trình xây dựng chính sách pháp luật và việc đưa chính sách, pháp luật vào đời sống xã hội, nhất là những chủ đề nóng được dư luận xã hội quan tâm.

- Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức PBGDPL phù hợp với nội dung, địa bàn, điều kiện thực tiễn (qua mạng xã hội, nền tảng dành riêng, cuộc thi...). Khuyến khích các hình thức PBGDPL dung dị, đơn giản nhưng sâu sắc và giàu

thông điệp, các hình thức truyền thông đa phương tiện phù hợp với giới trẻ như ca nhạc, phim ảnh... là thế mạnh của ngành VHTTDL.

2.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong PBGDPL

- Số hóa văn bản QPPL ngành VHTTDL, các tài liệu nghiệp vụ PBGDPL, nhất là tài liệu tập huấn chuyên sâu về các văn bản mới, kết nối với tài liệu PBGDPL số dùng chung toàn quốc, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về PBGDPL. Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu PBGDPL kết nối hệ thống, nền tảng dành riêng cho đối tượng đặc thù, địa bàn, lĩnh vực cụ thể của ngành VHTTDL.

- Xây dựng trang thông tin điện tử PBGDPL trong Cổng thông tin điện tử của Bộ kết nối với Cổng thông tin điện tử PBGDPL quốc gia.

- Tổ chức đa dạng các hình thức thi trực tuyến tìm hiểu kiến thức pháp luật, thi đố vui giải đáp tình huống pháp lý, thi tìm kiếm giải pháp đổi mới công tác PBGDPL, xây dựng các bài giảng điện tử.

- Nghiên cứu, sử dụng mạng xã hội để tăng cường các hoạt động truyền thông, PBGDPL để tạo sự lan tỏa xã hội; thu thập thông tin, nắm bắt nhu cầu và phản ứng của dư luận xã hội để có định hướng tương tác, điều chỉnh cho phù hợp nhằm định hướng dư luận, nhất là đối với các chính sách mới, đặc thù của Ngành.

- Sản xuất các nội dung, chương trình tọa đàm trực tuyến; viết bài phân tích các điểm mới, các nội dung sửa đổi, bổ sung, xây dựng các tuyến bài viết chuyên sâu, các hình thức hiển thị bằng công nghệ như E-magazine, Inforgraphic.

- Sản xuất các video clip tuyên truyền, hướng dẫn có trọng tâm và phát trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và các báo điện tử thuộc Bộ nhằm tăng cường hỗ trợ pháp luật liên quan đến từng lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

2.5. Gắn kết giữa xây dựng và thực thi pháp luật, trọng tâm là PBGDPL

- Gắn kết PBGDPL trước, trong và sau xây dựng văn bản QPPL. Đồng thời với các bước lập đề nghị xây dựng văn bản Luật, Pháp lệnh, Nghị định, kế hoạch xây dựng VBQPPL của Bộ cần xây dựng kế hoạch PBGDPL và truyền thông chính sách theo năm, chuyên đề.

- Cơ chế tiếp nhận, phản hồi thông tin xây dựng pháp luật. Thiết lập kênh đối thoại chính thức trực tuyến giữa cơ quan nhà nước với công dân, doanh nghiệp đối với những chính sách quan trọng, có tác động ảnh hưởng lớn đến xã hội của Ngành, để thu thập, phân tích, xử lý và giải đáp kịp thời các thắc mắc của người dân, doanh nghiệp trong khi thi hành pháp luật liên quan đến ngành VHTTDL.

- Nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, nhất là tính đồng bộ, ổn định của hệ thống pháp luật chuyên ngành và có liên quan..

- Phối hợp thực hiện Đề án "Tổ chức truyền thông chính sách có tác động, ảnh hưởng lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản QPPL giai đoạn 2022-2027".

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật của Ngành.

2.6. Kiện toàn nhân sự, bố trí nguồn lực và phối hợp lồng ghép nguồn lực đảm bảo công tác PBGDPL

- Củng cố, kiện toàn nhân lực làm công tác PBGDPL của Ngành, báo cáo viên trung ương, báo cáo viên các cấp địa phương.

- Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, chú trọng mở rộng đào tạo kỹ năng nghiên cứu, phân tích chính sách, pháp luật, các kỹ năng mềm để đội ngũ cán bộ báo cáo viên, tuyên truyền viên nâng cao năng lực thực hiện PBGDPL.

- Phát huy, nâng cao năng lực của Hội đồng Phối hợp PBGDPL của ngành, kết nối với Hội đồng trung ương và các Hội đồng bộ, ngành, địa phương.

- Bố trí đảm bảo đủ nguồn kinh phí, cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng được công tác PBGDPL. Ưu tiên nguồn lực PBGDPL trọng tâm, có kế hoạch. Ưu tiên nguồn lực PBGDPL cho đối tượng đặc thù: dân tộc thiểu số, các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, địa bàn trọng yếu về quốc phòng, an ninh.

- Đẩy mạnh cơ chế huy động nguồn lực xã hội hóa cho công tác PBGDPL. Đa dạng hoá các hình thức vận động tài trợ hỗ trợ theo quy định.

- Tăng cường sự tham gia thực chất của người dân, doanh nghiệp trong công tác PBGDPL; nghiên cứu, nhân rộng, phát huy kết quả các mô hình được giải thưởng tại Cuộc thi "Sáng kiến, mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả thông qua hoạt động văn hóa ở cơ sở" và các Cuộc thi khác có liên quan.

- Thu hút sự tham gia của các luật sư, nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sỹ, người nổi tiếng trong công tác PBGDPL. Phát huy đội ngũ nhà khoa học, trí thức văn nghệ sỹ, diễn viên, vận động viên, huấn luyện viên…của Ngành.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về PBGDPL liên quan đến ngành VHTTDL.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nguồn ngân sách thực hiện Đề án

1.1. Ngân sách nhà nước cấp cho việc triển khai thực hiện Đề án theo phân cấp ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương

- Nguồn ngân sách nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hàng năm phân bổ cho các đơn vị trực thuộc;

- Nguồn ngân sách sự nghiệp của các ban, bộ, ngành Trung ương;

- Nguồn ngân sách nhà nước của các địa phương triển khai Đề án.

1.2. Nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Nhiệm vụ bố trí kinh phí thực hiện Đề án

2.1. Việc lập dự toán chi tiết hàng năm được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước trên cơ sở nội dung Đề án đã được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt.

2.2. Hằng năm, Vụ Pháp chế có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện Đề án phần ngân sách Trung ương gửi Vụ Kế hoạch, Tài chính báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2.3. Các đơn vị thuộc/trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hàng năm căn cứ chức năng, nhiệm vụ và công việc được phân công tại Đề án lập dự toán kinh phí gửi Vụ Kế hoạch, Tài chính báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2.4. Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện Đề án thuộc nhiệm vụ của địa phương. Các cơ quan, ban, ngành ở địa phương lập dự toán kinh phí thực hiện Đề án gửi cơ quan có thẩm quyền cùng cấp tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2.5. Cơ quan, đơn vị thực hiện Đề án, các tổ chức đoàn thể và địa phương có thể huy động các nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để việc triển khai thực hiện Đề án có hiệu quả.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1.1. Khối các cơ quan tham mưu quản lý nhà nước thuộc Bộ

- Vụ Pháp chế: Là đầu mối, chủ trì hướng dẫn thực hiện Đề án, xây dựng kế hoạch, kinh phí; tham mưu phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của Đề án; tổng hợp kế hoạch hàng năm, thống nhất với Vụ Kế hoạch, Tài chính để cân đối bố trí nguồn ngân sách thực hiện Kế hoạch hàng năm theo Đề án; sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Đề án giai đoạn 2022-2023 để điều chỉnh, tiếp tục triển khai Đề án và tổng kết kết quả thực hiện Đề án năm 2026; trực tiếp triển khai các nhiệm vụ liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Vụ Kế hoạch, Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế hướng dẫn xây dựng kinh phí và phân bổ các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước thực hiện Đề án; tổng hợp kinh phí gửi Bộ Tài chính đưa vào kế hoạch hàng năm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo theo kế hoạch của Đề án; Chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế trong PBGDPL về kinh tế quốc tế, đầu tư, doanh nghiệp.

- Văn phòng Bộ: Phối hợp với Vụ Pháp chế thực hiện các nhiệm vụ được Lãnh đạo Bộ phê duyệt, tuyên truyền cho "Ngày Pháp luật Việt Nam"; hướng dẫn các thủ tục tài chính, tạo điều kiện cơ sở vật chất để các đơn vị tham gia Đề án hoàn thành nhiệm vụ.

- Các cơ quan tham mưu quản lý nhà nước thuộc Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị và nhiệm vụ được giao tại Đề án triển khai thực hiện có hiệu quả và báo cáo kết quả định kỳ theo quy định.

1.2. Khối các đơn vị sự nghiệp Ngành VHTTDL (trừ các cơ sở đào tạo, cơ quan báo chí)

Quán triệt, triển khai Đề án đến viên chức, người lao động, văn nghệ sỹ, huấn luyện viên, vận động viên, thuyết minh viên, hướng dẫn viên thuộc phạm vi quản lý, đưa vào kế hoạch công tác năm các nhiệm vụ PBGDPL được giao tại Đề án; Các đơn vị nghệ thuật, thiết chế văn hóa-thể thao, cơ quan, hội đoàn thể lồng ghép PBGDPL tại các chương trình, hoạt động, sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật, thể thao phù hợp với thực tế cơ sở.

1.3. Các cơ quan báo chí thuộc Bộ

Xây dựng Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ được giao tại Đề án, đẩy mạnh công tác PBGDPL qua phối hợp truyền thông chính sách, đối thoại chính sách pháp luật, giải đáp pháp luật...; tăng cường phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin pháp luật trên môi trường mạng đảm bảo an ninh, tiết kiệm, hiệu quả.

1.4. Các cơ sở đào tạo thuộc Bộ

Tiếp tục triển khai Kế hoạch nâng cao chất lượng công tác PBGDPL trong nhà trường trên cơ sở Đề án tổng thể do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì và Đề án này.

1.5. Các doanh nghiệp ngành VHTTDL

Quán triệt, triển khai Đề án đến người lao động thuộc phạm vi quản lý, đưa vào kế hoạch công tác năm các nhiệm vụ PBGDPL được giao tại Đề án.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo triển khai Đề án trong phạm vi địa phương, phân bổ kinh phí, bố trí nguồn lực cần thiết để triển khai các nhiệm vụ của Đề án nói riêng, công tác PBGDPL trên địa bàn nói chung và xây dựng kế hoạch, chương trình theo thẩm quyền triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Đề án phù hợp với điều kiện của địa phương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Hội đồng PH PBGDPL TW *(để báo cáo);*
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tư pháp *(để phối hợp)*;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW *(để phối hợp)*;
- Các đơn vị thuộc Bộ VHTTDL *(để thực hiện)*;
- Lưu: VT, Vụ PC, BH (160).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trịnh Thị Thủy